

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 52

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bảy GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Đỗ Xuân Diện	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Quang	Trưởng ban
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên
Ông Đặng Công Trục	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 29 tháng 8 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:


Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2019

Số tham chiếu: 61280353/21247148

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 23, trong kỳ Công ty đã ghi nhận một khoản thu nhập khác từ việc hoàn nhập số dư dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 với tổng số tiền là 102.388.641 ngàn VND. Việc trích lập này đã được thực hiện trong các năm trước căn cứ vào quy định tại Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, quy định về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 ("NĐ 20"). Công ty cũng không ghi nhận khoản dự phòng thuế TNDN tương tự cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 với số tiền là 36.312.758 ngàn VND. Nếu Công ty thực hiện việc ước tính và ghi nhận chi phí thuế TNDN theo hướng dẫn của NĐ 20 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, chỉ tiêu "Thu nhập khác" sẽ giảm với số tiền là 102.388.641 ngàn VND, chỉ tiêu "Chi phí thuế TNDN hiện hành" sẽ tăng 36.312.758 ngàn VND, lỗ trước thuế và lỗ sau thuế sẽ tăng tương ứng là 102.388.641 ngàn VND và 138.701.399 ngàn VND. Đồng thời chỉ tiêu "Lỗ lũy kế" và chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 sẽ tăng với cùng số tiền là 138.701.399 ngàn VND.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoài ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “*Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ*”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 29 tháng 8 năm 2019 đã đưa ra kết luận ngoại trừ về việc tuân thủ Nghị Định 20, và có đoạn nhấn mạnh về việc Công ty và các công ty con đã vi phạm một số điều khoản trong hợp đồng vay và trái phiếu. Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 18.4 và 18.5 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trình bày việc Công ty đã vi phạm một số điều khoản trong hợp đồng vay và trái phiếu.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh nói trên.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.309.756.032	4.509.971.413
110	I. Tiền	4	64.621.871	7.845.148
111	1. Tiền		64.621.871	7.845.148
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.124.401.377	4.466.086.999
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	737.492.691	352.080.983
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.107.710.911	889.187.934
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.977.676.149	1.881.871.110
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.328.289.726	1.342.946.972
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(26.768.100)	-
140	III. Hàng tồn kho	9	95.833.891	25.321.339
141	1. Hàng tồn kho		97.847.535	25.752.653
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.013.644)	(431.314)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		24.898.893	10.717.927
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.912.210	190.998
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	22.693.461	10.233.707
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	293.222	293.222
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.364.909.857	18.588.618.997
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		7.282.228.492	7.148.794.766
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	26	5.669.513.630	5.643.424.324
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.612.714.862	1.505.370.442
220	II. Tài sản cố định		44.512.776	49.255.369
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	29.056.701	30.807.795
222	Nguyên giá		52.263.264	52.043.824
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(23.206.563)	(21.236.029)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	15.456.075	18.447.574
228	Nguyên giá		48.197.185	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(32.741.110)	(29.749.611)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	13.033.195.042	11.386.830.002
251	1. Đầu tư vào các công ty con		13.054.032.884	11.371.623.485
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	7.783.830
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(309.437.088)	(278.581.949)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		4.973.547	3.738.860
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		4.973.547	3.738.860
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		25.674.665.889	23.098.590.410

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.602.802.244	11.950.359.240
310	I. Nợ ngắn hạn		12.378.712.817	5.779.113.942
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	221.206.339	126.426.733
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	5.548.714.546	99.512.291
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	281.410	74.248
314	4. Phải trả người lao động		6.337.893	3.701.552
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	281.773.686	417.979.769
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	329.166.580	158.515.837
320	7. Vay ngắn hạn	18	5.991.232.363	4.972.903.512
330	II. Nợ dài hạn		2.224.089.427	6.171.245.298
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	15	241.658.692	337.190.031
337	2. Phải trả dài hạn khác	16	798.906.044	973.804.631
338	3. Vay dài hạn	18	1.183.524.691	4.860.250.636
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.071.863.645	11.148.231.170
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	11.071.863.645	11.148.231.170
411	1. Vốn cổ phần		8.868.438.950	8.868.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.868.438.950	8.868.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.064.550.810	1.064.550.810
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		105.576.190	105.576.190
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.033.297.695	1.109.665.220
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.109.047.220	1.281.418.195
421b	- Lỗ kỳ này		(75.749.525)	(171.752.975)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		25.674.665.889	23.098.590.410



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Phạm Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	1.061.791.415	898.170.171
11	2. Giá vốn hàng bán		(1.003.519.972)	(771.142.111)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		58.271.443	127.028.060
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	352.324.384	315.493.537
22	5. Chi phí tài chính	21	(428.754.861)	(279.937.402)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(396.403.733)	(215.876.606)
25	6. Chi phí bán hàng	22	(112.205.872)	(32.072.097)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(45.236.147)	(57.527.410)
30	8. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(175.601.053)	72.984.688
31	9. Thu nhập khác	23	102.935.113	10.536.860
32	10. Chi phí khác	23	(3.065.589)	(5.999.517)
40	11. Lợi nhuận khác	23	99.869.524	4.537.343
50	12. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(75.731.529)	77.522.031
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(17.996)	-
60	14. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(75.749.525)	77.522.031


Phạm Thị Lưu Ly
Người lập


Phạm Xuân Hòa
Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(75.731.529)	77.522.031
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	4.965.283	3.411.052
03	Các khoản dự phòng		59.205.569	58.788.029
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		804.431	(353.220)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(350.050.545)	(315.493.537)
06	Chi phí lãi vay	21	396.702.380	220.259.156
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		35.895.589	44.133.511
09	Tăng các khoản phải thu		(66.771.110)	(104.939.111)
10	Tăng hàng tồn kho		(72.094.882)	(6.905.551)
11	Tăng các khoản phải trả		1.033.757.711	815.973.821
12	Tăng chi phí trả trước		(2.955.899)	(1.584.837)
14	Tiền lãi vay đã trả		(476.989.832)	(576.070.584)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25.1	(17.996)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		450.823.581	170.607.249
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(2.642.560)	-
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.758.593	113.925
23	Tiền chi cho vay		(454.833.029)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		106.779.275	11.561.566
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	12.1	(1.686.409.399)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty con	14	4.337.521.000	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.3	5.189.220	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay		13.592.807	57.651.157
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.320.955.907	69.326.648

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	2.442.774.883	662.670.813
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(5.157.777.767)	(795.407.927)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(2.715.002.884)	(132.737.114)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		56.776.604	107.196.783
60	Tiền đầu kỳ		7.845.148	24.413.533
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		119	3.388
70	Tiền cuối kỳ	4	64.621.871	131.613.704


Phạm Thị Lưu Ly
Người lập


Phạm Xuân Hòa
Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bảy GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, chín (9) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết. Chi tiết các công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Sekong, Lào	Đang hoạt động	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	99,53
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Ratanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(8) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động (i)	100,00
(9) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
(10) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(11) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(12) Công ty Cổ phần Đông Pênh (“Đông Pênh”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,88
(13) Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh (“Daun Penh”)	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	99,88

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)</i>
(14) Công ty Cổ phần An Đông Mia	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,90
(15) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	99,50
(16) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("Cao su Đông Dương")	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(17) Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2 ("Bình Phước Kratie")	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(18) Công ty TNHH Sovann Vuthy ("Sovann Vuthy")	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(19) Công ty TNHH Eastern (Campuchia) ("Cao su Eastern")	Kratie, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(20) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên ("Cao Su Trung Nguyên")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,91

Chi nhánh hạch toán phụ thuộc

(21) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh chế biến Hoa Quả	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động
---	-------------------	----------------

(i) Tình trạng trước hoạt động là công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh vào ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 248 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 196).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản mang lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.15 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tiền mặt	66.109	52.690
Tiền gửi ngân hàng	64.555.762	7.792.458
TỔNG CỘNG	64.621.871	7.845.148

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 26)	378.658.320	89.534.110
Phải thu từ các bên thứ ba	358.834.371	262.546.873
- Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	79.430.610	69.587.741
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	62.137.736	62.850.287
- Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Cánh Đồng Vàng	56.569.102	30.370.320
- Tianjin Sunshine International Trading Co., Ltd	40.859.094	16.329.128
- Ông Trần Trọng Hùng	25.952.046	25.510.376
- Khách hàng khác	93.885.783	57.899.021
TỔNG CỘNG	737.492.691	352.080.983
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(26.768.100)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	710.724.591	352.080.983

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 26)	1.068.576.707	862.491.237
Trả trước cho bên thứ ba	39.134.204	26.696.697
- Công ty TNHH Vitad	9.650.556	2.700.000
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	6.500.000	-
- Khác	22.983.648	23.996.697
TỔNG CỘNG	1.107.710.911	889.187.934

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 26)	1.977.676.149	1.808.871.110
Cho vay ngắn hạn bên thứ ba	-	73.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.977.676.149</u>	<u>1.881.871.110</u>

8. PHẢI THU KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Ngắn hạn	1.328.289.726	1.342.946.972
Phải thu các bên liên quan từ việc cản trở công nợ	1.134.388.802	1.160.275.338
Thanh toán hộ	95.946.179	44.058.960
Phải thu lãi cho vay	43.562.079	17.747.051
Phải thu cổ tức	-	19.507.500
Khác	54.392.666	101.358.123
Dài hạn	1.612.714.862	1.505.370.442
Phải thu lãi cho vay	1.612.714.862	1.505.370.442
TỔNG CỘNG	<u>2.941.004.588</u>	<u>2.848.317.414</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 26)</i>	<i>1.612.714.862</i>	<i>1.505.370.442</i>
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 26)</i>	<i>1.274.577.860</i>	<i>1.242.519.649</i>
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	<i>53.711.866</i>	<i>100.427.323</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Hàng hóa	79.226.153	22.207.201
Hàng đi đường	14.560.722	-
Công cụ, dụng cụ	2.660.946	1.808.481
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.397.764	1.690.951
Nguyên vật liệu	1.950	46.020
TỔNG CỘNG	97.847.535	25.752.653
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(2.013.644)</u>	<u>(431.314)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>95.833.891</u>	<u>25.321.339</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Số đầu kỳ	431.314	376.037
Dự phòng trích lập trong kỳ	<u>1.582.330</u>	<u>27.411</u>
Số cuối kỳ	<u>2.013.644</u>	<u>403.448</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	19.425.632	27.246.222	5.049.785	322.185	52.043.824
Mua mới	-	1.910.374	-	70.909	1.981.283
Thanh lý	-	(1.761.843)	-	-	(1.761.843)
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>19.425.632</u>	<u>27.394.753</u>	<u>5.049.785</u>	<u>393.094</u>	<u>52.263.264</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	15.817.751	797.302	281.274	16.896.327
Khấu hao lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	606.437	16.750.369	3.580.222	299.001	21.236.029
Khấu hao trong kỳ	909.655	704.520	353.154	6.455	1.973.784
Thanh lý	-	(3.250)	-	-	(3.250)
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>1.516.092</u>	<u>17.451.639</u>	<u>3.933.376</u>	<u>305.456</u>	<u>23.206.563</u>
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>18.819.195</u>	<u>10.495.853</u>	<u>1.469.563</u>	<u>23.184</u>	<u>30.807.795</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>17.909.540</u>	<u>9.943.114</u>	<u>1.116.409</u>	<u>87.638</u>	<u>29.056.701</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Chương trình phần mềm</i>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 30 tháng 6 năm 2019	<u>48.197.185</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	333.210
Hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	29.749.611
Hao mòn trong kỳ	<u>2.991.499</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>32.741.110</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	<u>18.447.574</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>15.456.075</u>

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Đầu tư vào các công ty con (TM số 12.1)	13.054.032.884	11.371.623.485
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 12.2)	286.004.636	286.004.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 12.3)	<u>2.594.610</u>	<u>7.783.830</u>
TỔNG CỘNG	13.342.632.130	11.665.411.951
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(309.437.088)</u>	<u>(278.581.949)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>13.033.195.042</u>	<u>11.386.830.002</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019			Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Trồng cây công, nông nghiệp	99,91	3.277.737.120	-	99,91	3.277.737.120	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công, nông nghiệp và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương (*)	Trồng cây công nghiệp	100,00	2.183.600.000	-	100,00	1.650.000.000	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.513.645	-	100,00	943.513.645	-
Công ty Cổ phần Đông Pênh (**)	Trồng cây công nghiệp	99,88	1.923.397.600	-	99,70	798.397.600	(45.149.588)
Công ty Cổ phần An Đông Mia (***)	Trồng cây công nghiệp	99,90	882.881.001	-	99,50	878.881.001	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Chăn nuôi bò	99,00	615.584.549	(154.263.124)	99,00	615.584.549	(90.195.948)
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Trồng cây công, nông nghiệp	97,77	440.512.398	-	97,77	440.512.398	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Trồng cây công nghiệp và kinh doanh bất động sản	99,53	394.313.155	(55.173.964)	99,53	394.313.155	(43.236.413)
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav (****)	Trồng cây công nghiệp	100,00	191.463.856	-	100,00	171.654.457	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000	(100.000.000)	100,00	100.000.000	(100.000.000)
TỔNG CỘNG			11.054.032.884	(309.437.088)		11.371.623.485	(278.581.949)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (*) Vào ngày 17 tháng 5 năm 2019, Công ty đã tăng thêm giá trị đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương bằng cách góp thêm vốn với số tiền là 533.600.000 ngàn VND.
- (**) Vào ngày 19 tháng 4 năm 2019, Công ty đã mua thêm toàn bộ 28.125.000 cổ phiếu được phát hành mới từ Công ty Cổ phần Đông Pênh, với giá trị là 1.125.000.000 ngàn VND. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Đông Pênh từ 99,7% lên 99,88% tại ngày này.
- (***) Vào ngày 1 tháng 3 năm 2019, Công ty đã mua thêm 80.000 cổ phiếu, tương đương 0,4% tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần An Đông Mía từ Công ty Cổ phần Bò Sứa Tây Nguyên, một công ty con, bằng cách cân trừ với khoản phải thu. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần An Đông Mía từ 99,50% lên 99,90% tại ngày này.
- (****) Vào ngày 28 tháng 6 năm 2019, Công ty đã tăng thêm giá trị đầu tư vào Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav bằng cách góp thêm vốn với số tiền là 19.809.399 ngàn VND.

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	<u>286.004.636</u>	49,14	<u>286.004.636</u>

12.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng ("Cánh Đồng Vàng") (*)	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	<u>2.594.610</u>	45,00	<u>7.783.830</u>

- (*) Vào ngày 25 tháng 1 năm 2019, Công ty đã chuyển nhượng 57.000 cổ phần, tương đương 30% tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Cánh Đồng Vàng ("Cánh Đồng Vàng") cho Công ty TNHH Dịch Vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên ("Nông nghiệp Tây Nguyên"), bên thứ ba, với giá chuyển nhượng là 5.189.220 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Cánh Đồng Vàng đã giảm từ 45% xuống 15% tại ngày này.

Cánh Đồng Vàng được mua nhằm mục đích nắm giữ dưới 20% theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1510/18/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 15 tháng 10 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 26)	132.892.323	78.673.343
Phải trả cho các bên thứ ba	88.314.016	47.753.390
- Công ty TNHH MTV Minh Bình Gia Lai	10.604.450	13.973.835
- Khác	77.709.566	33.779.555
TỔNG CỘNG	221.206.339	126.426.733

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Chuyển nhượng các khoản đầu tư - Công ty Cổ phần Sản xuất và Phân phối Nông nghiệp Thadi ("Thadi") (*)	4.337.521.000	-
Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa và dịch vụ	1.211.193.546	99.512.291
TỔNG CỘNG	5.548.714.546	99.512.291
<i>Trong đó:</i>		
Nhận ứng trước của bên liên quan (TM số 26)	5.545.336.021	90.877.166
Nhận ứng trước của bên thứ ba	3.378.525	8.635.125

(*) Đây là khoản tiền ứng trước từ Thadi để chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Đông Pênh và công ty con - Daun Pênh ("Nhóm Đông Pênh"); Cao su Đông Dương và các công ty con - Bình Phước Kratie, Eastern Rubber ("Nhóm Cao su Đông Dương"); Sovann Vuthy và Cao su Trung Nguyên theo Thỏa thuận Hứa Mua bán Cổ phần -Phần Vốn góp ("Thỏa thuận") ngày 4 tháng 4 năm 2019 với tổng giá trị là 7.626.949.000 ngàn VND.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1706/19/NQ-HĐQT HAGL Agrico ngày 17 tháng 6 năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty trong Nhóm Cao su Đông Dương cho Thadi.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn	281.773.686	417.979.769
Chi phí hoạt động	152.450.400	152.450.400
Chi phí lãi vay	102.954.650	139.524.573
Khác	26.368.636	126.004.796
Dài hạn	241.658.692	337.190.031
Chi phí lãi vay	241.658.692	337.190.031
TỔNG CỘNG	523.432.378	755.169.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn	329.166.580	158.515.837
Phải trả các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	303.122.523	-
Mượn tiền từ bên liên quan	11.685.000	147.685.000
Cổ tức phải trả	-	2.698.440
Phải trả khác	14.359.057	8.132.397
Dài hạn	798.906.044	973.804.631
Phải trả các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	798.906.044	973.804.631
TỔNG CỘNG	1.128.072.624	1.132.320.468
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 26)</i>	<i>798.906.044</i>	<i>973.804.631</i>
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 26)</i>	<i>318.807.523</i>	<i>147.685.000</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>10.359.057</i>	<i>10.830.837</i>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	10.233.707	18.528.798	(6.069.044)	22.693.461
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 25)	285.831	17.996	(17.996)	285.831
Thuế khác	7.391	-	-	7.391
TỔNG CỘNG	10.526.929	18.546.794	(6.087.040)	22.986.683
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	74.248	837.576	(630.414)	281.410
TỔNG CỘNG	74.248	837.576	(630.414)	281.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 18.1)	3.101.444.000	1.729.600.000
Vay ngắn hạn trái phiếu (TM số 18.2)	2.205.756.173	2.153.212.703
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 18.3)	596.221.956	599.911.828
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (TM số 18.4)	82.500.000	484.897.156
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 18.5)	5.310.234	5.281.825
	<u>5.991.232.363</u>	<u>4.972.903.512</u>
Dài hạn		
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 18.5)	996.024.691	992.100.178
Vay dài hạn trái phiếu (TM số 18.4)	187.500.000	1.553.227.582
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 26)	-	2.314.922.876
	<u>1.183.524.691</u>	<u>4.860.250.636</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.174.757.054</u>	<u>9.833.154.148</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	Ngàn VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	4.972.903.512	4.860.250.636	9.833.154.148
Tiền thu từ đi vay	2.094.365.919	348.408.964	2.442.774.883
Tiền trả nợ gốc vay	(1.473.207.415)	(3.684.570.352)	(5.157.777.767)
Vay dài hạn đến hạn trả	344.598.468	(344.598.468)	-
Giá trị phân bổ phần giá trị chiết khấu của trái phiếu chuyển đổi	52.354.220	-	52.354.220
Chi phí phát hành trái phiếu	189.250	109.397	298.647
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	28.409	3.924.514	3.952.923
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>5.991.232.363</u>	<u>1.183.524.691</u>	<u>7.174.757.054</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY

18.1 Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 26)

Chi tiết vay ngắn hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai, công ty mẹ					
Khoản vay ngày 1 tháng 10 năm 2018	781.218.000	Ngày 1 tháng 10 năm 2019	6,00 - 8,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 7 tháng 1 năm 2019	381.080.000	Ngày 7 tháng 1 năm 2020	6,50 - 8,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 6 tháng 6 năm 2019	297.000.000	Ngày 6 tháng 6 năm 2020	8,00	Đầu tư trồng mới 7000 ha chuối tại Lào và Cambuchia	Tín chấp
Khoản vay ngày 26 tháng 11 năm 2019	202.250.000	Ngày 5 tháng 12 năm 2019	6,50 - 8,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 18 tháng 2 năm 2019	180.174.000	Ngày 18 tháng 8 năm 2019	7,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải, công ty có cùng thành viên HĐQT					
Khoản vay ngày 1 tháng 10 năm 2018	592.682.000	Ngày 1 tháng 10 năm 2019	6,00 - 8,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 7 tháng 1 năm 2019	289.130.000	Ngày 7 tháng 1 năm 2020	6,50 - 8,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 26 tháng 11 năm 2018	153.450.000	Ngày 5 tháng 12 năm 2019	6,50 - 8,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 18 tháng 2 năm 2019	126.434.000	Ngày 18 tháng 8 năm 2019	7,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 6 tháng 6 năm 2019	80.000.000	Ngày 6 tháng 6 năm 2020	8,00	Đầu tư trồng mới 7000 ha chuối tại Lào và Cambuchia	Tín chấp
Khoản vay ngày 17 tháng 6 năm 2019	18.026.000	Ngày 17 tháng 6 năm 2020	8,00	Dự án Sân bay Nong Khang tại Tỉnh Huaphan, Lào	Tín chấp
TỔNG CỘNG	3.101.444.000				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản đảm bảo	Nội dung khác
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("VNDIRECT")	Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO") (TM số 26)	2.216.880.000	Ngày 9 tháng 8 năm 2019	0,00	Đầu tư trồng mới cây ăn trái, tái cơ cấu tài chính của Nhóm công ty	Tín chấp	Vào ngày đáo hạn tổ chức phát hành sẽ thực hiện việc phát hành cổ phần chuyển đổi và tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần chuyển đổi trên với giá chuyển đổi là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ phần chuyển đổi sẽ có giá trị ngang bằng với tất cả các cổ phần đang lưu hành khác
	Trái chủ khác	220.000					
Chi phí phát hành		(63.083)					
Giá trị trái phiếu theo mệnh giá		2.217.036.917					
Giá trị tại ngày cuối kỳ (i)		2.205.756.173					

(i) Chi tiết của khoản trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn như sau:

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

	Ngàn VND Giá trị
Giá trị vay chuyển đổi	2.217.036.917
Cấu phần vốn chủ sở hữu (Thuyết minh số 19.1)	(105.576.190)
Cấu phần nợ gốc ghi nhận ban đầu	2.111.460.727
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu	
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	41.941.226
Số phân bổ trong kỳ	52.354.220
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	94.295.446
Cơ cấu nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	2.205.756.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.3 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
	<i>Ngàn VND</i>		<i>%/ năm</i>		
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Tiên Phong					
Khoản vay ngày 21 tháng 4 năm 2017	<u>596.221.956</u>	Từ ngày 10 tháng 7 năm 2019 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020	Lãi suất kỳ hạn 3 tháng tại TP Bank cộng biên độ 3,2%/năm (2019: 10,5 %/ năm)	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây (chanh dây, chuối, thanh long) và mù cao su	Tài sản của Công ty TNHH Eastern (Cambodia) đã đăng và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tô nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, diện tích 925 ha; 453,7 ha đất trồng trái cây tại Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng; và 32.829.686 cổ phiếu HNG do Công ty sở hữu

18.4 Vay dài hạn trái phiếu

Chi tiết trái phiếu dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital ("ECS")	270.000.000	1.694.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	-	344.234.136
Chi phí phát hành trái phiếu	-	(109.398)
TỔNG CỘNG	<u>270.000.000</u>	<u>2.038.124.738</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả</i>	<i>82.500.000</i>	<i>484.897.156</i>
<i>Vay dài hạn trái phiếu</i>	<i>187.500.000</i>	<i>1.553.227.582</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.4 Vay dài hạn trái phiếu (tiếp theo)

Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Mục đích	Tài sản thế chấp
ESC (*)	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân	<u>270.000.000</u>	từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	10,5%/ năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của NCB – Chi nhánh Sở Giao dịch cộng với biên độ 4,50%/năm (2019: 11,00 – 11,55%/năm)	Đầu tư các dự án của các công ty con của Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cây cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào	26.597.162 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"), Công ty mẹ.

Trong đó:

Vay dài hạn trái phiếu	187.500.000
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	82.500.000

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, diện tích trồng cây cao su thực tế tại các công ty con của Công ty là 47.122 ha, đang nhỏ hơn diện tích 70.643 ha đã đăng ký trong hợp đồng đặt mua trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.5 Vay dài hạn ngân hàng

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Mục đích vay</i>
	<i>Ngàn VND</i>	<i>Ngàn VND</i>	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai	738.880.320	734.927.398	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn	262.454.605	262.454.605	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Campuchia.
TỔNG CỘNG	<u>1.001.334.925</u>	<u>997.382.003</u>	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>996.024.691</i>	<i>992.100.178</i>	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>5.310.234</i>	<i>5.281.825</i>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.5 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/ năm	Tài sản đảm bảo
BIDV, Chi nhánh Gia Lai					
Khoản vay ngày 1 tháng 4 năm 2010	738.880.320	31.623.382	từ ngày 31 tháng 12 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của BIDV bằng USD hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7%/năm (2019: 7,20)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của các công ty con
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn (*)					
Khoản vay ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	-	từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của Sacombank hạn 13 tháng lãi trả sau + 2%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (2019: 9,80)	23,2 triệu cổ phiếu HAG sở hữu bởi Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và 14,5 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh thuộc sở hữu của Công ty
TỔNG CỘNG	1.001.334.925				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn	996.024.691				
Vay dài hạn đến hạn trả	5.310.234				

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, diện tích trồng cây cao su thực tế tại các công ty con của Công ty là 3.192 ha nhỏ hơn diện tích 9.000 ha đã đăng ký trong hợp đồng vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018					
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	7.671.438.950	1.064.550.810	-	1.282.228.195	10.018.217.955
Phát hành cổ phiếu	1.197.000.000	-	-	-	1.197.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	77.522.031	77.522.031
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>8.868.438.950</u>	<u>1.064.550.810</u>	<u>-</u>	<u>1.359.750.226</u>	<u>11.292.739.986</u>
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019					
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	8.868.438.950	1.064.550.810	105.576.190	1.109.665.220	11.148.231.170
Chia thù lao ban kiểm soát	-	-	-	(618.000)	(618.000)
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(75.749.525)	(75.749.525)
Ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>8.868.438.950</u>	<u>1.064.550.810</u>	<u>105.576.190</u>	<u>1.033.297.695</u>	<u>11.071.863.645</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	886.843.895	886.843.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	886.843.895	886.843.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>886.843.895</i>	<i>886.843.895</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	886.843.895	886.843.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>886.843.895</i>	<i>886.843.895</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng hóa

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	Ngàn VND	
Doanh thu thuần về bán hàng	<u>1.061.791.415</u>	<u>898.170.171</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên thứ ba</i>	<i>654.604.624</i>	<i>750.051.941</i>
<i>Doanh thu với các bên liên quan (TM số 26)</i>	<i>407.186.791</i>	<i>148.118.230</i>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	Ngàn VND	
Lãi tiền cho vay	349.981.700	266.437.611
Chênh lệch tỷ giá	2.273.839	-
Cổ tức	-	49.005.000
Khác	68.845	50.926
TỔNG CỘNG	<u>352.324.384</u>	<u>315.493.537</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (TM số 26)</i>	<i>348.099.924</i>	<i>304.942.611</i>
<i>Doanh thu với các bên thứ ba</i>	<i>4.224.460</i>	<i>10.550.926</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	396.702.380	220.259.156
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	30.855.139	58.760.618
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.082.341	917.628
Khác	115.001	-
TỔNG CỘNG	428.754.861	279.937.402

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí bán hàng	112.205.872	32.072.097
Chi phí vận chuyển	91.371.297	16.369.517
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.821.810	4.216.181
Chi phí nhân viên	6.004.285	5.068.257
Khác	4.008.480	6.418.142
Chi phí quản lý doanh nghiệp	45.236.147	57.527.410
Dự phòng phải thu khó đòi	26.768.100	-
Chi phí nhân viên	6.710.150	3.340.413
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	3.351.108	3.328.825
Khác	8.406.789	50.858.172
TỔNG CỘNG	157.442.019	89.599.507

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Thu nhập khác	102.935.113	10.536.860
Hoàn nhập trích trước chi phí thuế theo Nghị định 20 (*)	102.388.641	-
Khác	546.472	10.536.860
Chi phí khác	(3.065.589)	(5.999.517)
Các khoản phạt	(289.884)	(1.189.785)
Khác	(2.775.705)	(4.809.732)
LỢI NHUẬN KHÁC	99.869.524	4.537.343

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC (tiếp theo)

(*) Số tiền này thể hiện chi phí thuế TNDN được trích trước và ghi nhận trong báo cáo tài chính tổng hợp của các năm trước lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được hoàn nhập trong kỳ hiện hành. Trong các năm tài chính trước, do NĐ 20 mới được ban hành và Công ty cũng chưa làm việc cụ thể với các cơ quan Nhà nước, do đó theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã tạm trích trước thuế TNDN theo các hướng dẫn của Khoản 3, Điều 8, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, được Chính phủ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 2017 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 5 năm 2017 (“NĐ 20”) để xác định thu nhập chịu thuế bao gồm số tiền lãi vay phát sinh trong kỳ mà vượt 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ. Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, Ban Giám đốc Công ty quyết định hoàn nhập số tiền đã ghi nhận trong báo cáo tài chính tổng hợp của các năm trước với giá trị lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 102.388.641 ngàn VND và cũng không ghi nhận thêm chi phí thuế TNDN ước tính kỳ này với số tiền là 36.312.758 ngàn VND nếu áp dụng NĐ 20.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, quy định tại Khoản 3, Điều 8 của NĐ 20 còn nhiều điểm chưa rõ, có nhiều cách hiểu khác nhau gây khó khăn trong việc áp dụng trong thực tiễn và chưa đúng bản chất của Nghị định là chống chuyển giá. Ban Giám đốc vẫn đang trao đổi và kiến nghị với Kiểm toán Nhà nước, Tổng Cục Thuế, Văn Phòng Chính phủ và Bộ Tài chính xem xét việc ban hành quy định khác thay đổi NĐ 20.

Tại ngày của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, NĐ 20 vẫn chưa được sửa đổi hoặc thay thế và Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan Nhà nước về vấn đề này.

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	1.003.528.720	771.230.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.193.107	25.296.250
Chi phí nhân công	11.694.323	8.408.670
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (TM số 10 và 11)	4.965.283	3.411.052
Chi phí khác	38.580.558	52.394.813
TỔNG CỘNG	1.160.961.991	860.741.618

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành (phải thu) phải trả được xác định dựa trên (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác (lỗ) với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(75.731.529)	77.522.031
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chênh lệch giữa lãi suất thực tế và lãi suất danh nghĩa liên quan đến phát hành trái phiếu chuyển đổi	52.354.220	-
Chi phí không được khấu trừ	3.199	2.147.893
Thu nhập cổ tức	-	(49.005.000)
Thay đổi chi phí phải trả	(102.388.641)	44.321.419
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(4.087.314)	(9.897.152)
(Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế thuần trước khi chuyển lỗ	(129.850.065)	65.089.191
Lỗ chuyển sang từ các năm trước	-	(65.089.191)
Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ (sau khi chuyển lỗ từ các năm trước)	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	17.996	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	17.996	-
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(17.996)	-
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	(285.831)	(285.831)

25.2 Thuế TNDN hoãn lại

Lỗ chuyển sang từ các năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 436.111.532 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 306.261.467 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ		Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2019	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	
	đến năm	Lỗ tính thuế			Lỗ tính thuế	Lỗ tính thuế
2015	2020	10.097.286 (*)	(6.405.563)	-	3.691.723	
2016	2021	191.649.105 (*)	-	-	191.649.105	
2018	2023	110.920.639 (**)	-	-	110.920.639	
2019	2024	129.850.065 (**)	-	-	129.850.065	
TỔNG CỘNG		442.517.095	(6.405.563)	-	436.111.532	

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

(**) Lỗ tính thuế là lỗ ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 436.111.532 ngàn VND do không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Nhận tiền ứng trước thanh lý công ty con	4.337.521.000	-
		Tạm ứng mua hàng hóa	655.831.037	-
		Bán hàng hóa	25.168.963	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay	1.206.662.964	107.545.823
		Chi phí lãi vay	124.783.087	40.435.131
		Bán hàng hóa	17.675.989	10.337.733
		Mua hàng hóa	3.602.064	18.982.558
		Chi hộ	6.755.143	5.950.000
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	983.590.000	-
		Chi phí lãi vay	31.327.082	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	520.319.603	-
		Mua hàng hóa	15.667.727	7.720.620
		Lãi cho vay	13.504.282	-
		Cho vay	9.263.955	-
		Bán hàng hóa	8.797.472	7.019.625
		Bán TSCĐ	8.800	-
		Cổ tức nhận được	-	49.005.000
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	184.519.812	166.593.347
		Cho vay	151.974.002	-
		Bán hàng hóa	62.153.097	6.786.644
		Chi hộ	20.284.886	-
		Lãi cho vay	10.412.904	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	164.613.053	144.868.626
		Lãi cho vay	158.313.206	89.191.668
		Bán hàng hóa	152.571.905	82.991.457
		Cho vay	154.313.987	-
		Chi hộ	50.351.276	-
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Cho mượn	126.603.200	-
		Cho vay	21.899.142	-
		Lãi cho vay	2.511.176	-
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con	Mua hàng hóa	102.888.955	44.688.784
		Bán hàng hóa	93.215.857	-
		Cho vay	25.551.800	-
		Lãi cho vay	2.148.652	-
		Chi hộ	768.925	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con	Mua hàng hóa	55.803.523	47.045.731
		Bán hàng hóa	14.450.942	-
		Lãi cho vay	1.357.991	-
		Chi hộ	140.205	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Mua hàng hóa	51.985.503	4.751.383
		Cho vay	9.294.800	-
		Bán hàng hóa	5.756.313	-
		Lãi cho vay	286.356	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Cho mượn	45.965.000	-
		Cho vay	17.923.449	-
		Lãi cho vay	447.929	314.357
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	45.337.832	53.037.327
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	45.064.157	52.696.948
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	40.895.118	-
		Cho vay	520.000	-
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	37.204.121	36.738.979
		Cho vay	13.709.147	-
		Bán hàng hóa	10.628.107	9.669.823
		Lãi cho vay	7.383.550	44.541.543
Công ty TNHH MTV Tổ Hợp Cơ khí Thaco Chu Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi hộ	272.630	-
		Mua hàng hóa, dịch vụ	32.078.917	-
Công ty TNHH Cao su Eastern	Công ty con	Mua hàng hóa	30.284.803	-
		Bán hàng hóa	2.263.012	-
Công ty Cổ phần Đông Pênh	Công ty con	Cho mượn	23.375.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp Thaco	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa, dịch vụ	21.002.527	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	15.270.152	12.603.282
		Mua nhiên liệu, dịch vụ	9.464.933	6.494.578
		Mua tài sản	788.911	-
Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	14.165.733	10.330.733
		Cho vay	8.874.886	-
		Bán hàng hóa	6.275.943	5.156.315
		Mua hàng	5.562.379	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Mua hàng hóa	9.945.657	2.195.724
		Lãi cho vay	6.271.038	5.825.035
		Bán hàng hóa	4.706.061	1.807.663
		Cho vay	2.377.421	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai Trường Hải	Công ty con của công ty cổ cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa, dịch vụ	9.572.791	-
Công ty TNHH Heng Brothers	Công ty con	Mua hàng hóa	4.154.007	-
Công Ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	2.392.110	-
		Bán thanh lý TSCĐ	2.874.444	-
		Mua hàng hóa	1.560.766	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	1.131.020	24.348.970
		Mua hàng hóa	-	54.708.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	199.238.265	50.105.452
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	74.370.370	16.866.304
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con	Bán hàng hóa	51.830.676	1.822.368
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con	Bán hàng hóa	14.499.687	-
Công Ty Cổ Phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	9.586.118	-
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	6.964.847	10.421.131
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	6.106.995	-
Công Ty TNHH MTV Hoàng Anh Lum Phat	Công ty con	Bán hàng hóa	5.791.596	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	3.649.165	3.424.466
Công ty TNHH Eastern (Campuchia)	Công ty con	Bán hàng hóa	2.278.149	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	2.569.668	4.854.442
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	1.561.264	1.853.648
Công Ty Cổ Phần Thể Thao Hoàng Anh	Công ty con trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	186.299	186.299
Công ty TNHH Phát Triển Nông Nghiệp Đại Thắng	Công ty con trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	25.221	-
			378.658.320	89.534.110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)</i>				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	485.539.824	429.696.198
Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Mua hàng hóa	210.130.962	108.870.177
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	158.671.243	5.034.304
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	42.665.444	53.568.377
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	39.191.826	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty con trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	35.341.722	70.348.150
Công ty TNHH Eastern (Campuchia)	Công ty con	Mua hàng hóa	33.073.476	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Mua hàng hóa	32.732.454	12.357.199
Công ty TNHH Heng Brothers	Công ty con	Mua hàng hóa	29.971.530	29.894.388
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	1.161.671	862.509
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Mua hàng hóa	65.755	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	30.800	-
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con	Mua hàng hóa	-	120.773.266
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con	Mua hàng hóa	-	31.086.669
			<u>1.068.576.707</u>	<u>862.491.237</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 7) (*)</i>				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	751.026.625	596.647.864
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	372.750.955	363.487.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Cho vay	248.326.526	234.617.379
Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Cho vay	353.564.300	201.590.298
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cho vay	98.022.197	89.147.311
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	49.283.000	49.283.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	38.153.746	35.776.325
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	57.254.000	57.254.000
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lum Phat	Công ty con	Cho vay	9.294.800	-
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con	Cho vay	-	122.809.300
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con	Cho vay	-	58.258.633
			1.977.676.149	1.808.871.110

(*) Cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay tín chấp các bên liên quan với thời hạn hoàn trả đến hết tháng 12 năm 2019 và với lãi suất trung bình từ 7.00% đến 14.00%/năm nhằm mục đích đầu tư phát triển vườn cây cọ dầu, cao su và vườn cây ăn trái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)				
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Cán trừ công nợ Cán trừ công nợ Cổ tức	596.859.667 6.391.704 -	596.859.667 6.391.704 19.507.500
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cán trừ công nợ Chi hộ Lãi cho vay	513.104.586 77.438.747 26.231.633	470.735.574 24.097.310 4.481.542
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cán trừ công nợ Lãi cho vay	23.404.454 1.495.719	23.404.454 236.003
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ Cán trừ công nợ	10.828.101 7.675.678 1.020.095	3.444.551 747.464 -
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	4.481.239	428.291
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cho mượn Chi hộ	680.800 140.760	680.800 2.065.085
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Chi hộ Cán trừ công nợ Lãi cho vay	3.390.160 - -	4.340.438 2.987.911 2.878.055
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con	Chi hộ Cán trừ công nợ Lãi cho vay	768.925 - -	- 12.675.327 1.856.247
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	282.348	1.148.217
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay Cán trừ công nợ Chi hộ	243.039 - -	683.685 12.961.939 5.406.430
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con	Chi hộ Lãi cho vay	140.205 -	1.010.529 818.461
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Cán trừ công nợ	-	38.415.501
Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Cán trừ công nợ	-	2.234.965
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	-	1.771.999
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Công ty con trong cùng Tập đoàn	Khác	-	250.000
			1.274.577.860	1.242.519.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (*)</i>				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	3.054.911.434	3.051.928.803
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	799.419.593	799.419.593
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	748.654.354	748.654.354
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Cho vay	735.649.043	735.539.043
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cho vay	173.395.050	173.395.050
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	90.307.655	90.307.655
Công ty Cổ phần An Đông Mia Việt Nam	Công ty con	Cho vay	41.100.501	2.658.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	26.076.000	26.076.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đồng Dương	Công ty con	Cho vay	-	15.445.826
			5.669.513.630	5.643.424.324

(*) Cho vay dài hạn thể hiện các khoản cho vay tín chấp các công ty liên quan với thời hạn hoàn trả từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 6 năm 2023 và với lãi suất trung bình từ 7% đến 14.00%/năm nhằm mục đích đầu tư, phát triển vườn cây cọ dầu, cao su và vườn cây ăn trái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
<i>Phải thu dài hạn khác (TM số 8)</i>				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	761.200.890	624.113.583
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	382.950.703	342.055.585
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	296.799.266	259.598.820
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	127.148.341	250.757.791
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	21.629.746	16.618.423
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	20.393.185	10.280.400
Công ty Cổ phần An Đông Mía Việt Nam	Công ty con	Lãi cho vay	2.592.731	81.555
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Lãi cho vay	-	1.654.228
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	-	210.057
			1.612.714.862	1.505.370.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 13)</i>				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	34.271.275	42.062.001
Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	33.752.609	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp Thaco	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	21.005.180	-
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con	Mua hàng hóa	16.109.887	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	10.069.363	-
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty con	Mua hàng hóa	6.590.045	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai Trường Hải	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	6.112.344	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua vật tư	3.984.620	2.412.876
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	997.000	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Mua vật tư	-	24.701.887
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Mua vật tư	-	5.562.560
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	-	3.934.019
			132.892.323	78.673.343

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 14)				
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Nhận ứng tiền thanh lý công ty con	4.337.521.000	-
		Tạm ứng mua hàng hóa	655.831.037	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	551.978.718	49.176.800
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Tạm ứng mua vật tư	5.266	4.446.002
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Nghiệp Đại Thắng	Công ty con trong cùng Tập đoàn	Tạm ứng mua vật tư	-	36.074.952
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Tạm ứng mua vật tư	-	1.179.412
			5.545.336.021	90.877.166
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 16)				
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Công ty con	Cán trừ công nợ	302.565.399	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Bên liên quan	Mượn tiền	11.685.000	11.685.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua cổ phần	4.000.000	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cán trừ công nợ	418.543	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Công ty con	Cán trừ công nợ	138.581	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Mượn tiền	-	136.000.000
			318.807.523	147.685.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải trả dài hạn khác (TM số 16)</i>					
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cần trừ công nợ	600.021.352	619.421.352	
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cần trừ công nợ	198.884.692	275.450.168	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cần trừ công nợ	-	78.933.111	
			798.906.044	973.804.631	
<i>Trái phiếu chuyển đổi (TM số 18.2)</i>					
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mệnh giá của trái phiếu chuyển đổi	2.216.880.000	2.216.880.000	
<i>Vay ngắn hạn (TM số 18.1)</i>					
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	1.259.722.000	746.132.000	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay	1.841.722.000	983.468.000	
			3.101.444.000	1.729.600.000	
<i>Vay dài hạn (TM số 18)</i>					
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay	-	2.314.922.876	

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm như sau:

		Ngàn VND	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Lương và thưởng		1.778.000	1.268.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CAM KẾT QUAN TRỌNG

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường HAGL có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- (a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt nam;
- (b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường HAGL; và
- (e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tổ tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường HAGL trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và vào ngày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan thuế địa phương để xác định khoản nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh (nếu có) liên quan đến chuyển nhượng Nhóm công ty Mía đường nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành vốn cổ phần

Vào ngày 9 tháng 8 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 221.710.000 cổ phiếu phổ thông để hoán đổi 221.710 trái phiếu với tổng giá trị là 2.217.100.000 ngàn VND (TM số 18.2). Việc phát hành trên đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0605/18/NQHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 6 tháng 5 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0605-1/18/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 6 tháng 5 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 3007/19/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 7 năm 2019.

Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 8.868.438.950 ngàn VND lên 11.085.538.950 ngàn VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình đệ trình hồ sơ lên Sở KH & ĐT Tỉnh Gia Lai yêu cầu điều chỉnh GCNĐKDN về việc tăng vốn điều lệ nói trên.

Thanh lý các công ty con

Như được trình bày tại Thuyết minh số 14, vào ngày 6 tháng 7 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Nhóm Cao su Đông Dương cho Thadi.

Vào ngày 19 tháng 8 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 1908-2/19/NQ-HĐQT HAGL Agrico về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Nhóm Đông Pênh cho Thadi.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Phạm Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 8 năm 2019